

Bản án số: 97/2019/HS-ST
Ngày 28-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ái

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Tố Nữ và ông Lê Văn Khanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Cao Đoàn Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 103/2019/TLST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Bá T, sinh năm 1994, tại Thành phố H. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nhà số 78/3/5, đường T, Phường 14, Quận S, Thành phố H (nhà đã bán và thực tế không có cư trú tại địa phương); nơi ở: Không ổn định; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Bá T1 và bà Hồ Thị Thu T2; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Ngày 13/10/2015, bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định “Áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc” với thời hạn 12 tháng (chấp hành xong quyết định ngày 29/7/2016, đã được xóa) và ngày 05/3/2019, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định khởi tố bị can về “Tội cướp giật tài sản”; bị bắt tạm giữ ngày 29-12-2018 (giữ người trong trường hợp khẩn cấp), tạm giam ngày 07-01-2019 “có mặt”;

2. Trần Văn L (tên gọi khác: Cắt Con), sinh năm 1996, tại Thành phố H. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nhà số 950, đường N, Phường 12, Quận T, Thành phố H (nhà đã bán và thực tế không có cư trú tại địa phương); nơi ở: Không ổn định; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị Kim S; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Ngày 05/3/2019, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định khởi tố bị can về “Tội cướp giật tài sản” và ngày 16/5/2019, bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 08 tháng tù về “Tội trộm cắp

tài sản”; bị bắt tạm giữ ngày 29-12-2018 (giữ người trong trường hợp khẩn cấp), tạm giam ngày 07-01-2019 “có mặt”;

3. Lê Anh T’ (tên gọi khác: Cu Đen), sinh năm 1989, tại Thành phố H. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nhà số 244, Đường S, Phường 5, Quận T’, Thành phố H (nhà đã bán từ năm 2012 và thực tế không có cư trú tại địa phương); nơi ở: Không ổn định; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Anh D và bà Lê Ngọc A; có vợ và 03 con, nhất nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án: Ngày 30/10/2018, bị Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về “Tội trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án (bị cáo chưa chấp hành hình phạt tù của bản án này) tiền sự: Không có; nhân thân: Ngày 06/12/2007, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm 06 tháng tù về “Tội cướp giật tài sản” (chấp hành xong hình phạt chính ngày 07/10/2010 và quyết định khác ngày 07/01/2008, án tích đã được xóa); bị bắt tạm giữ ngày 29-12-2018 (giữ người trong trường hợp khẩn cấp), tạm giam ngày 07-01-2019 “có mặt”.

*Các bị hại:

- Anh Trần Văn Q, sinh năm 1969. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nhà số 189/2, đường Trần Kế Xương, Phường 7, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký tạm trú: Nhà số 273/18, đường Tân Hòa Đông, Khu phố 14, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh “vắng mặt”;

- Anh Lê Quang M, sinh năm 1992. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã TL, huyện T, tỉnh V; nơi đăng ký tạm trú: Nhà số 532/1/64, đường K, Khu phố 11, phường B2, quận B, Thành phố H “có mặt”;

- Chị Nguyễn Thị Thanh D, sinh ngày 17/11/2000. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nhà số 8, đường L, phường B, quận B, Thành phố H “vắng mặt”;

- Anh Huỳnh Đình TT, sinh năm 1976. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nhà số 453/2/9 (số mới 473/9), đường T, phường B, quận B, Thành phố H; nơi đăng ký tạm trú: Nhà số 445/45/1, đường T, phường B, quận B, Thành phố H “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 04 giờ ngày 28/12/2018, Công an phường An Lạc, quận Bình Tân trên đường tuần tra đến trước nhà số 265/12, đường An Dương Vương, Khu phố 4, phường An Lạc thì phát hiện Nguyễn Bá T, Trần Văn L và Lê Anh T’ có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra thu giữ nhiều công cụ dùng mở khóa nhà, lúc này cả 03 đều cho biết đang trên đường tìm tài sản để lấy bán kiếm tiền tiêu xài. Khi đó, Tổ tuần tra đưa tất cả về Công an phường lập hồ sơ ban đầu rồi chuyển cho Cơ quan điều tra giải quyết theo thẩm quyền. Tại đây, T, L và T’ khai nhận, trong thời gian qua đã thực hiện hành vi lấy tài sản của người khác trên địa bàn quận Bình Tân, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 23 giờ ngày 04/12/2018, T, L và tên Quý (không rõ lai lịch) cùng nhau đi tìm tài sản để chiếm đoạt. Khi cả 03 nhìn thấy chiếc xe mô tô hiệu Wave RSX, biển số 59K1-765.52 của anh Trần Văn Q (xe do anh Trần Đông Triều đứng tên chủ sở hữu và đã cho cha là anh Q mượn sử dụng) để trước nhà số 273/18/10, đường T, phường B, quận B mà không có ai trông coi. Lúc này, T và tên Quý đứng canh giới, còn L đi vào lấy xe dẫn ra ngoài cho cả nhóm đẩy xe chạy tẩu thoát đến bán cho người thanh niên (không rõ lai lịch) được 4.000.000 đồng rồi dùng hết 100.000 đồng đồ xăng xe, còn lại chia đều mỗi người 1.300.000 đồng và đã tiêu xài hết. Sau đó vào ngày 17/12/2018, Tổ tuần tra – Phòng Cảnh sát hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh đang tuần tra đến trước nhà số 511, đường A, phường A1, quận B phát hiện anh Đặng Công Thức đang điều khiển chiếc xe mô tô hiệu Wave RSX, biển số 59K1-765.52 là xe vật chứng đang truy tìm nên tiến hành kiểm tra thu giữ và bàn giao lại cho Cơ quan điều tra – Công an quận Bình Tân giải quyết trả lại cho bị hại. Khi đó, anh Thức khai trong lúc lên mạng xã hội Facebook tìm mua xe giá rẻ để mua làm phương tiện đi lại thì có người sử dụng tài khoản tên "Huy Phong" rao bán chiếc xe này giá 5.800.000 đồng, anh đã mua và không biết xe do phạm tội mà có (tài sản chiếm đoạt có giá trị là 6.000.000 đồng).

Vụ thứ 2: Vào khoảng 23 giờ ngày 08/12/2018, khi L cùng với 01 người (không nhớ rõ tên) đến trước nhà số 532/1/64, đường K, Khu phố 11, phường B2, quận B thì cả hai phát hiện chiếc xe mô tô hiệu Damsan, màu đỏ-đen, biển số 51M5-4412 của anh Lê Quang M để trước dãy phòng trọ mà không ai trông coi. Lúc này, tên đó đứng ngoài canh giới, còn L đi vào lấy xe dẫn ra ngoài rồi cả 02 tẩu thoát. Do tên này đi bán xe rồi về chia cho L 500.000 đồng nên L không biết bán được bao nhiêu (Tuy trước đây, L có khai là T cùng tham gia thực hiện vụ này nhưng T không thừa nhận và tài sản chiếm đoạt có giá trị là 3.000.000 đồng).

Vụ thứ 3: Vào khoảng 21 giờ ngày 15/12/2018, T điều khiển xe mô tô hiệu Exciter (không rõ biển số) chở bạn gái tên Đặng Ngọc Trâm đi chơi. Khi T nhìn thấy chiếc xe mô tô hiệu Vision, màu trắng, biển số 50N1-709.71 của chị Nguyễn Thị Thanh D để trước nhà số 68/20/2, đường C, phường B, quận B nhưng không có ai trông coi nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Lúc này, T kêu chị Trâm chạy xe về trước mà không nói gì cho chị Trâm biết; còn T đi vào lấy chiếc xe của chị D dẫn ra ngoài, thuê xe ôm đẩy chạy đến tiệm game bắn cá trên đường Phan Anh. Tại đây, T tháo biển số xe ra vứt bỏ rồi đưa xe đến Chung cư 78, đường Tân Hòa Đông, thuộc Phường 14, Quận 6 gửi. Đến ngày 20/12/2018, Công an Quận 6 kiểm tra bãi xe và thu giữ được chiếc xe này bàn giao cho Cơ quan điều tra – Công an quận Bình Tân giải quyết trả lại cho bị hại (tài sản chiếm đoạt có giá trị là 31.500.000 đồng).

Vụ thứ 4: Vào khoảng 02 giờ ngày 23/12/2018, T, L và T' cùng nhau đi tìm tài sản để chiếm đoạt. Khi cả 03 nhìn thấy cửa nhà số 453/20, đường T, phường B, quận B khóa ngoài. Lúc này, T và T' đứng canh giới, còn L đến dùng kèm thủy lực cắt khóa, đi vào trong nhà lấy chiếc xe mô tô hiệu Huyue, màu xám, biển số 51S34832 của anh Huỳnh Đình TT dẫn ra ngoài tẩu thoát. Sau đó, T' tháo biển số xe Wave của T' ra gắn vào xe Huyue, còn biển số xe này gắn vào xe Wave của T' rồi T đem xe đi bán cho tên Quang (không rõ lai lịch) giá 5.000.000 đồng nhưng

chưa đưa tiền nên T ứng ra trước chia cho L 1.000.000 đồng, còn T' 2.000.000 đồng và đã tiêu xài hết (tài sản chiếm đoạt có giá trị là 3.000.000 đồng).

Ngoài ra T còn khai đã 03 lần cùng với đồng phạm khác thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác trên các địa bàn Quận 6, 11 và Tân Phú như sau: *lần thứ nhất*, vào khoảng 13 giờ ngày 19/12/2018, T và tên Tý (không rõ lai lịch) lấy chiếc xe mô tô hiệu Lead, biển số 54K5-8393 của chị Trần Thị Ngọc Phụng để tại trước nhà 53A, Đường Số 4, Phường 11, Quận 6; *lần thứ hai*, vào khoảng 21 giờ ngày 24/12/2018, T và tên Tý (không rõ lai lịch) lấy chiếc xe mô tô hiệu Wave, biển số 51Y4-2019 của anh Nguyễn Văn Vinh để tại trước nhà 1/19/13, đường Lê Thúc Hoạch, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú; *lần thứ ba*, vào khoảng 24 giờ ngày 24/12/2018, T và tên Queo (không rõ lai lịch) lấy chiếc xe mô tô hiệu Sirius, biển số 86B7-232.12 của anh Mai Xuân Hữu để tại trước nhà 708/36, đường Hồng Bàng, Phường 1, Quận 11. Tất cả 03 chiếc xe này đều đã bán lấy tiền chia cho đồng phạm tiêu xài hết. Tuy Cơ quan điều tra – Công an quận Bình Tân đã có văn bản thông báo gửi cho các Cơ quan điều tra – Công an Quận 6, 11 và Tân Phú biết để phối hợp xử lý nhưng cho đến nay vẫn chưa được phản hồi nên không thể giải quyết chung cùng vụ án này theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Nguyễn Bá T, Trần Văn L và Lê Anh T' đều khai nhận, do cần tiền tiêu xài nên khi bị cáo T rủ các bị cáo T' và L đi tìm tài sản ai để sơ hở lấy bán thì được cả 02 bị cáo đồng ý, trong đó các bị cáo T và L đã 03 lần thực hiện hành vi này, riêng bị cáo T' chỉ có 01 lần và cụ thể như sau: *Lần thứ nhất*, 02 bị cáo T và L cùng với tên Quý (không rõ lai lịch) lấy chiếc xe mô tô hiệu Wave RSX, biển số 59K1-765.52 của anh Trần Văn Q (xe do anh Trần Đông Triều đứng tên sở hữu và cho cha là anh Q mượn sử dụng); *lần thứ hai*, chỉ có bị cáo L lấy chiếc xe mô tô hiệu Damsan, màu đỏ-đen, biển số 51M5-4412 của anh Lê Quang M (tuy bị cáo L khai có bị cáo T cùng tham gia nhưng bị cáo T không thừa nhận); *lần thứ ba*, chỉ có bị cáo T lấy chiếc xe mô tô hiệu Vision, màu trắng, biển số 50N1-709.71 của chị Nguyễn Thị Thanh D; *lần thứ tư*, cả 03 bị cáo T, L và T' lấy chiếc xe mô tô hiệu Huyue, màu xám, biển số 51S3-4832 của anh Huỳnh Đình TT. Đối với chiếc xe của chị Nhung thì chưa kịp bán, 03 chiếc xe còn lại đã bán cho 03 người khác nhau nhưng đều không rõ lai lịch và tiền bán xe đã chia nhau tiêu xài hết nên nay các bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo thống nhất giá trị tài sản chiếm đoạt theo như định giá; cả 03 bị cáo chấp nhận nộp lại số tiền đã thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước; còn về phần vật chứng có liên quan thì các bị cáo đều không có ý kiến; riêng bị cáo L chấp nhận bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của anh M đưa ra là 3.500.000 đồng.

Bị hại anh Lê Quang M thừa nhận lời khai trên của bị cáo L là đúng. Do chiếc xe mô tô hiệu Damsan, màu đỏ-đen, biển số 51M5-4412 của anh không thu hồi được, tuy theo định giá xe chỉ có 3.000.000 đồng nhưng anh vẫn yêu cầu bị cáo L phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho anh với số tiền là 3.500.000 đồng tính như giá đã mua.

Bản cáo trạng số 107/CT-VKS ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Bá T, Trần Văn L và Lê Anh T' ra trước Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử về “Tội trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các bị cáo Nguyễn Bá T, Trần Văn L và Lê Anh T' đã có hành vi lén lút chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác và tội phạm đã hoàn thành. Trong đó, hai bị cáo T và L đã 03 lần thực hiện hành vi này và tổng giá trị tài sản chiếm đoạt của bị cáo T là 40.500.000 đồng, còn bị cáo L là 12.000.000 đồng, riêng bị cáo T' chỉ thực hiện 01 lần với giá trị tài sản chiếm đoạt là 3.000.000 đồng. Tuy trong vụ án này chỉ là đồng phạm giản đơn nhưng bị cáo T với vai trò là người khởi xướng, rủ rê, cùng với bị cáo T' cảnh giới và giúp sức tích cực khác; còn bị cáo L trực tiếp chiếm đoạt tài sản; các bị cáo đều có nhân thân xấu. Ngoài ra, các bị cáo T và L còn phải chịu thêm tình tiết tăng nặng là “Phạm tội 02 lần trở lên”, riêng bị cáo T' đã 01 lần bị kết án, chưa được xóa án tích mà nay lại phạm tội mới do cố ý nên lần phạm tội này thuộc trường hợp “Tái phạm”. Hành vi của các bị cáo là hết sức nguy hiểm cho xã hội nên cần phải áp dụng bằng một mức án thật nghiêm thì mới có đủ sức giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; một phần tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho các bị hại nghĩ nên xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra các bị cáo phải chịu. Do đó, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các điều 17 và 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo T với mức án tù 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù và bị cáo L từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo T' với mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù cùng về “Tội trộm cắp tài sản”. Đồng thời, bị cáo T' còn phải chịu tổng hợp hình phạt 02 năm tù theo Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2018/HSST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Về trách nhiệm dân sự, buộc bị cáo L phải bồi thường thiệt hại cho anh Lê Quang M số tiền 3.500.000 đồng. Còn về số tiền thu lợi bất chính và vật chứng thì đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không ai tranh luận và bào chữa gì về hành vi đã bị truy tố, còn lời nói sau cùng thì xin giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra – Công an quận Bình Tân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ

quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét các bị cáo Nguyễn Bá T và Trần Văn L đã nhiều lần, còn bị cáo Lê Anh T' 01 lần có hành vi lén lút chiếm đoạt trái phép tài sản vào các thời điểm cụ thể như sau: *Lần thứ nhất*, vào khoảng 23 giờ ngày 04/12/2018, 02 bị cáo T và L lấy chiếc xe mô tô hiệu Wave RSX, biển số 59K1-765.52 của anh Trần Văn Q (xe do anh Trần Đông Triều đứng tên sở hữu và đã cho cha ruột là anh Q mượn sử dụng) để tại trước nhà số 273/18/10, đường Tân Hòa Đông, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân; *lần thứ hai*, vào khoảng 23 giờ ngày 08/12/2018, bị cáo L lấy chiếc xe mô tô hiệu Damsan, màu đỏ-đen, biển số 51M5-4412 của anh Lê Quang M để tại trước dải phòng trọ thuộc trước nhà số 532/1/64, đường K, Khu phố 11, phường B2, quận B; *lần thứ ba*, vào khoảng 21 giờ ngày 15/12/2018, bị cáo T lấy chiếc xe mô tô hiệu Vision, màu trắng, biển số 50N1-709.71 của chị Nguyễn Thị Thanh D để tại trước nhà số 68/20/2, đường C, phường B, quận B; *lần thứ tư*, vào khoảng 02 giờ ngày 23/12/2018, cả 03 bị cáo T, L và T' lấy chiếc xe mô tô hiệu Huyue, màu xám, biển số 51S3-4832 của anh Huỳnh Đình TT để tại nhà số 453/20, đường T, phường B, quận B. Theo Kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thì chiếc xe của anh Q có giá trị là 6.000.000 đồng, anh M là 3.000.000 đồng, chị D là 31.500.000 đồng và anh TT là 3.000.000 đồng. Như vậy, tài sản của bị cáo T trong các lần chiếm đoạt có tổng giá trị 40.500.000 đồng, bị cáo L 12.000.000 đồng và bị cáo T' 3.000.000 đồng. Do đó, các bị cáo đã phạm "Tội trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại Tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị hại, biên bản đối chất, chỉ điểm, một phần vật chứng thu giữ được, định giá tài sản ... nên đã đủ chứng cứ buộc tội các bị cáo và một phần lời đề nghị của Kiểm sát viên vừa nêu trên là có cơ sở chấp nhận. Đối với việc các bị cáo khai, tại thời điểm khoảng 04 giờ ngày 28/12/2018, đã chuẩn bị công cụ đột nhập vào nhà số 265/12, đường An Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân tìm tài sản để chiếm đoạt là chưa có căn cứ quy kết trách nhiệm hình sự các bị cáo. Còn các tên Quý, Tý, Queo, Quang và Phát, tuy các bị cáo khai là có liên quan nhưng đều do không rõ lai lịch nên Cơ quan điều tra còn đang tiếp tục truy xét cho đến khi nào phát hiện được sẽ xử lý sau. Riêng anh Đặng Công Thức, tuy có mua chiếc xe mô tô hiệu Wave RSX, biển số 59K1-765.52 được rao bán trên mạng xã hội giá 5.800.000 đồng từ 01 người sử dụng tài khoản tên "Huy Phong" nhưng vì anh Thức không biết xe này do phạm tội mà có nên không bị xử lý trách nhiệm hình sự là có cơ sở.

Đối với việc bị cáo T còn đã 03 lần cùng với đồng phạm khác thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác trên các địa bàn Quận 6, 11 và Tân Phú thì Cơ quan điều tra – Công an quận Bình Tân đã có văn bản thông đến cho các Cơ quan điều tra – Công an Quận 6, 11 và Tân Phú xem xét khởi tố vụ án, khởi tố bị can để chuyển nhập cùng vụ án này giải quyết chung theo quy định của pháp luật nhưng cho đến nay vẫn chưa có sự phản hồi nào nên không xét.

[3] Các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của người khác, thực hiện hành vi chiếm đoạt trái phép tài sản là trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi của các bị cáo có tính chất, mức độ hết sức nghiêm trọng và nếu không được ngăn chặn kịp thời thì sẽ nguy hiểm lớn cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương; các bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai, vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện lúc có nhân thân xấu. Trong vụ án này tuy có đồng phạm nhưng chỉ là gián đơn, sự cấu kết thực hiện tội phạm không chặt chẽ nên không được coi là phạm tội “Có tổ chức”; mặc dù vậy, bị cáo T với vai trò là người khởi xướng, rủ rê và tài sản chiếm đoạt có tổng giá trị lớn hơn các bị cáo L và T’, còn bị cáo L trực tiếp chiếm đoạt tài sản và tài sản chiếm đoạt có tổng giá trị lớn hơn bị cáo T’ là người giúp sức tích cực. Riêng về tình tiết tăng nặng, do trong 03 lần các bị cáo T và L chiếm đoạt tài sản đều có giá trên 2.000.000 đồng nên thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên”, còn bị cáo T’ đã 01 lần bị kết án, chưa được xóa án tích mà nay lại phạm tội mới do cố ý nên lần phạm tội này là “Tái phạm” theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự bằng một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần được xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xét tại Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2018/HSST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt bị cáo Lê Anh T’ 02 năm tù về “Tội trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án. Bản án này đã có hiệu lực pháp luật và hiện nay bị cáo đang phải chấp Bản bản án nên cần tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo T’ phải chấp hành chung của 02 bản án theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015. Riêng tuy tại Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2019/HS-ST ngày 16/5/2019 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt bị cáo Trần Văn L 01 năm 08 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản” nhưng do Bản án này chưa có hiệu lực pháp luật nên không thể tổng hợp hình phạt tù chung cho cả 02 bản án theo quy định của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”; do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo không có nghề nghiệp và không có điều kiện kinh tế nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] Xét đối với tổng số tiền 1.400.000 đồng của bị cáo T, 2.300.000 của bị cáo L và 2.000.000 đồng của bị cáo T’ là tiền do các bị cáo bán được một phần tài sản đã chiếm đoạt mà có và đã tiêu xài hết thì do: trong số đó có trường hợp tuy bị hại không thu hồi được tài sản nhưng không yêu cầu bồi thường, có trường hợp bị hại đã thu hồi được tài sản và không yêu cầu gì thêm; còn người mua không rõ lai lịch nên cần truy thu buộc các bị cáo nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Xét tại Tòa hôm nay, các bị hại anh Trần Văn Q, chị Nguyễn Thị Thanh D và anh Huỳnh Đình TT đã được triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt nhưng theo các tài liệu có trong hồ sơ thì, anh Q và chị D đã được nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì thêm; còn anh TT, tuy không thu hồi được tài sản bị chiếm đoạt nhưng không yêu cầu bồi thường nên không xét cả 03 trường hợp này. Riêng anh Lê Quang M yêu cầu bị cáo L bồi thường thiệt hại cho anh với tiền là 3.500.000 đồng và được bị cáo tự nguyện đồng ý là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về vật chứng: Đối với 01 chiếc xe mô tô hiệu Wave, không biển số, số máy HC08E-0008558, số khung RLHHC08012Y008577 của bị cáo T' khai, xe do mua của tên Tuấn (không rõ lai lịch); còn qua giám định và xác minh, xe có số máy, số khung nguyên thủy, không có trong dữ liệu vật chứng và không xác định được chủ sở hữu nên cần tịch thu để sung quỹ Nhà nước. Còn 01 biển số xe mô tô 69C1-358.10 là biển số giả, 01 bộ lục giác gồm có 08 cây lục giác lớn nhỏ bằng kim loại, 01 đầu đoạn dài 05cm bằng kim loại, 01 cái kim thủy lực dài khoảng 30cm, 01 cây lục giác 08mm dài 20cm và có 01 đầu mài dẹp dùng để bẻ khóa của các bị cáo dùng làm công phạm tội nên cần tịch thu tất cả để tiêu hủy. Riêng 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F9, màu đen của bị cáo T và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen của bị cáo L, không liên quan gì đến vụ án nên cần giao trả lại cho các bị cáo.

[7] Các bị cáo Nguyễn Bá T, Trần Văn L và Lê Anh T' phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, riêng bị cáo L còn phải chịu thêm án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Bá T, Trần Văn L và Lê Anh T' phạm "Tội trộm cắp tài sản".

-Về điều luật áp dụng và xử phạt:

.Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Bá T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29-12-2018.

.Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Trần Văn L 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 29-12-2018.

.Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Lê Anh T' **01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt này với hình phạt **02** (hai) năm tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 89/2018/HSST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Buộc bị cáo Lê Anh T' phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **03** (ba) năm **06** (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29-12-2018.

- Về số tiền do phạm tội mà có: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; buộc bị cáo Nguyễn Bá T nộp lại số tiền 1.400.000 (một triệu bốn trăm nghìn) đồng, bị cáo Trần Văn L 2.300.000 (hai triệu ba trăm nghìn) đồng và bị cáo Lê Anh T' 2.000.000 (hai triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; các điều 586, 589 và 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Trần Văn L phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho anh Lê Quang M số tiền 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn) đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh Lê Quang M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Trần Văn L chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu thêm cho các anh M tiền lãi theo mức lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 chiếc xe mô tô hiệu Wave, không biển số, số máy HC08E-0008558, số khung RLHHC08012Y008577. Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 biển số xe mô tô 69C1-358.10, 01 bộ lục giác gồm có 08 cây lục giác lớn nhỏ bằng kim loại, 01 đầu đoản dài 05cm bằng kim loại, 01 cái kìm thủy lực dài khoảng 30cm, 01 cây lục giác 08mm dài 20cm và có 01 đầu mài dẹp dùng để bẻ khóa. Giao trả lại cho bị cáo Nguyễn Bá T 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F9, màu đen và bị cáo Trần Văn L 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen.

(Vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân đang tạm giữ theo Phiếu nhập kho số NK19/198TAM ngày 27/5/2019)

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các bị cáo Nguyễn Bá T, Trần Văn L và Lê Anh T' mỗi người phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm; riêng bị cáo L còn phải chịu thêm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Nguyễn Bá T, Trần Văn L và Lê Anh T'; bị hại anh Lê Quang M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại anh Trần Văn Q, Huỳnh Đình TT và chị Nguyễn Thị Thanh D vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

(Đã giải thích quy định về quyền yêu cầu thi hành dân sự cho bị cáo L và anh M)

Nơi nhận:

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND QBT;
- CA QBT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ –Văn phòng.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Văn Ái